

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN**

**CHỨC DANH: PHÓ GIÁO SƯ**

**Mã hồ sơ: .....**



(Nội dung đúng ở ô nào thì đánh dấu vào ô đó: ☒; Nội dung không đúng thì để trống: ☐)

Đối tượng đăng ký: Giảng viên ☒; Giảng viên thỉnh giảng ☐

Ngành: Kỹ thuật xây dựng; Chuyên ngành: Xây dựng dân dụng và công nghiệp

**A. THÔNG TIN CÁ NHÂN**

1. Họ và tên người đăng ký: NGUYỄN NGỌC THẮNG

2. Ngày tháng năm sinh: 04/02/1981; Nam ☒; Nữ ☐; Quốc tịch: Việt Nam;

Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không

3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam: ☒

4. Quê quán (xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố): xã Hồng Thái, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình

5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú (số nhà, phố/thôn, xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố): Căn hộ 12B12, tầng 12B, tòa nhà HH1, Chung cư 90 Nguyễn Tuân, phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

6. Địa chỉ liên hệ (ghi rõ, đầy đủ để liên hệ được qua Bưu điện): Căn hộ 12B12, tầng 12B, tòa nhà HH1, Chung cư 90 Nguyễn Tuân, phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

Điện thoại nhà riêng: ...; Điện thoại di động: 0912640081; E-mail: thangnn@tlu.edu.vn

7. Quá trình công tác (công việc, chức vụ, cơ quan):

Từ tháng 10 năm 2004 đến tháng 12 năm 2007: Kỹ sư thiết kế, Trung tâm Kỹ thuật Hạ tầng, Công ty Tư vấn Công nghệ Thiết bị và Kiểm định xây dựng, Bộ xây dựng (Coninco)

Từ tháng 01 năm 2008 đến tháng 05 năm 2009: Kỹ sư xây dựng, Cán bộ phòng thiết kế, Công ty Cổ phần Đầu tư hạ tầng khu công nghiệp và đô thị số 18, Tổng Công ty Đầu tư và phát triển nhà Hà Nội (Handico)

*Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước*  
Từ tháng 06 năm 2009 đến tháng 11 năm 2010: Thạc sĩ, Kỹ sư xây dựng, Cán bộ phòng kỹ thuật, Công ty Cổ phần Tư vấn đầu tư và Xây dựng Incomex

Từ tháng 12 năm 2010 đến nay: Giảng viên Bộ môn Xây dựng dân dụng và công nghiệp, Khoa Công trình, Trường Đại học Thủy lợi

Chức vụ hiện nay: Trưởng Bộ môn Xây dựng dân dụng và công nghiệp

Chức vụ cao nhất đã qua: Trưởng Bộ môn

Cơ quan công tác hiện nay: Bộ môn Xây dựng dân dụng và công nghiệp, Khoa Công trình, Trường Đại học Thủy lợi

Địa chỉ cơ quan: 175 Tây Sơn, Đống Đa, Hà Nội

Điện thoại cơ quan: (024) 3852 2201

Thỉnh giảng tại cơ sở giáo dục đại học (nếu có): Không

8. Đã nghỉ hưu từ tháng ...năm ...: Chưa nghỉ hưu

9. Trình độ đào tạo:

- Được cấp bằng ĐH ngày 02 tháng 4 năm 2004; số văn bằng: 541876; ngành: Xây dựng dân dụng và công nghiệp; Nơi cấp bằng ĐH (trường, nước): Trường Đại học Xây dựng, Việt Nam

- Được cấp bằng ThS ngày 15 tháng 11 năm 2008; số văn bằng: 044199; ngành: Xây dựng dân dụng và công nghiệp; Nơi cấp bằng ĐH (trường, nước): Trường Đại học Xây dựng, Việt Nam

- Được cấp bằng TS ngày 21 tháng 6 năm 2017; số văn bằng: 1029422017900006; ngành: Kỹ thuật Xây dựng; Nơi cấp bằng TS (trường, nước): Đại học Hà Hải (Ho Hai), Trung Quốc (*Văn bằng đăng ký tại Cục quản lý chất lượng, Bộ giáo dục đào tạo số 000833/CNVB-TS ngày 07/09/2017*)

10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS ngày ... tháng ... năm ... ,ngành: Chưa

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó giáo sư tại HĐGS cơ sở: Trường Đại học Thủy lợi

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó giáo sư tại HĐGS ngành, liên ngành: Kiến trúc – Xây dựng

13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:

Hướng nghiên cứu chủ yếu ứng viên đã và đang thực hiện thuộc lĩnh vực Kỹ thuật xây dựng gồm 3 hướng như sau:

- Hướng nghiên cứu 1: Nghiên cứu thực nghiệm kết cấu và nền móng công trình

- Hướng nghiên cứu 2: Nghiên cứu thiết lập mô hình số kết cấu công trình

- Hướng nghiên cứu 3: Nghiên cứu đánh giá, sửa chữa gia cường kết cấu và bảo trì công trình xây dựng

*Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước*  
14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

- Đã hướng dẫn (số lượng) ..... NCS bảo vệ thành công luận án TS;
- Đã hướng dẫn (số lượng) 06 HVCH bảo vệ thành công luận văn ThS;
- Đã hoàn thành đề tài NCKH từ cấp cơ sở trở lên: chủ nhiệm 02 đề tài NCKH cấp cơ sở, Trường Đại học Thủy lợi; tham gia 02 đề tài NCKH cấp Bộ, Bộ xây dựng;
- Đã công bố 29 bài báo trên các tạp chí, hội thảo uy tín trong và ngoài nước (4 bài trước khi nhận học vị tiến sĩ, 25 bài sau khi nhận học vị tiến sĩ), trong đó nổi bật: tác giả chính và một mình 3 bài trên tạp chí khoa học quốc tế có uy tín thuộc danh mục ISI, SCOPUS (Q3), đồng tác giả 1 bài (3 tác giả) trên tạp chí khoa học quốc tế có uy tín thuộc danh mục ISI, SCOPUS (Q2), đồng tác giả 1 bài (6 tác giả) trên tạp chí khoa học quốc tế có uy tín thuộc danh mục ISI, SCOPUS (Q1), tác giả chính và một mình 1 bài trên Tạp chí Journal of Science and Technology in Civil Engineering (STCE) – HUCE thuộc danh mục ACI;
- Đã được cấp (số lượng) ..... bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích;
- Số lượng sách, giáo trình đã xuất bản: đồng chủ biên 03 cuốn sách phục vụ giảng dạy trình độ đại học và sau đại học, trong đó 02 cuốn sách tham khảo, Nhà xuất bản Xây dựng và Nhà xuất bản Khoa học kỹ thuật năm 2020; 01 cuốn sách Hướng dẫn theo hợp đồng của trường Đại học Thủy lợi, Nhà xuất bản Xây dựng năm 2022
- Số lượng tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục, thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế: .....

15. Khen thưởng (các huân chương, huy chương, danh hiệu): .....

16. Kỷ luật (hình thức từ khiển trách trở lên, cấp ra quyết định, số quyết định và thời hạn hiệu lực của quyết định): Không

## **B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH GIÁO SƯ/PHÓ GIÁO SƯ**

1. Tự đánh giá về tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo:

- Phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống: Luôn chấp hành tốt đường lối, quan điểm, chủ trương, nghị quyết của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; có lối sống lành mạnh, trung thực, tinh thần cầu thị, gương mẫu thực hiện nghĩa vụ công dân nơi cư trú, có tinh thần hợp tác, đoàn kết nội bộ; chấp hành tốt quy chế, quy định, nội quy của Nhà trường
- Chuyên môn: Đủ tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, có bằng đại học, thạc sĩ và tiến sĩ phù hợp với chuyên ngành giảng dạy. Không ngừng học hỏi, cập nhật kiến thức mới, nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ; chủ động hợp tác với các đơn vị sản xuất để triển khai ứng dụng các kết quả nghiên cứu.
- Giảng dạy: Thực hiện tốt nhiệm vụ của giảng viên, tham gia giảng dạy chương trình đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, hướng dẫn và đánh giá luận văn thạc sĩ, chủ biên và tham gia viết sách, giáo trình phục vụ đào tạo. Nghiêm chỉnh chấp hành quy chế giảng dạy của Trường Đại học Thủy lợi. Luôn gắn liền công tác đào tạo với nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ, phục vụ sản xuất. Đổi mới phương pháp dạy học nhằm nâng cao tính chủ động học tập của sinh viên.

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

- Nghiên cứu khoa học: Luôn hoàn thành vượt định mức nghiên cứu khoa học của Nhà trường. Tích cực tham gia các đề tài nghiên cứu khoa học, viết bài đăng trên các tạp chí, hội thảo quốc tế và tạp chí, hội thảo thuộc trong danh mục được Hội đồng Chức danh GSN công nhận.

- Về công tác khác: Tích cực tham gia hướng dẫn các nhóm sinh viên NCKH, hướng dẫn thực tập; tham gia các hội đồng khoa học trong lĩnh vực nghiên cứu; Tham gia hiệp hội ngành nghề xây dựng, chuyên gia tư vấn, kiểm định chất lượng công trình xây dựng.

2. Thời gian, kết quả tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên:

- Tổng số năm thực hiện nhiệm vụ đào tạo: 12 năm 06 tháng

- Khai cụ thể ít nhất 06 năm học, trong đó có 03 năm học cuối liên tục tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ (ứng viên GS chỉ khai 3 năm cuối liên tục sau khi được công nhận PGS):

| TT              | Năm học   | Số lượng NCS đã hướng dẫn |     | Số lượng ThS/CK2/BSNT đã hướng dẫn | Số đồ án, khóa luận tốt nghiệp ĐH đã HD | Số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp |     | Tổng số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp/số giờ chuẩn gd quy đổi/số giờ chuẩn định mức (*) |
|-----------------|-----------|---------------------------|-----|------------------------------------|-----------------------------------------|------------------------------------|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------|
|                 |           | Chính                     | Phụ |                                    |                                         | ĐH                                 | SĐH |                                                                                           |
| 1               | 2017-2018 |                           |     |                                    | 18                                      | 210,0                              |     | 210,0/564,19/270                                                                          |
| 2               | 2018-2019 |                           |     | 01                                 | 17,5                                    | 291,0                              |     | 291,0/654,55/270                                                                          |
| 3               | 2019-2020 |                           |     | 02                                 | 17,5                                    | 292,5                              |     | 292,5/734,80/229,5                                                                        |
| 03 năm học cuối |           |                           |     |                                    |                                         |                                    |     |                                                                                           |
| 4               | 2020-2021 |                           |     | 01                                 | 20                                      | 354,5                              |     | 354,5/827,25/229,5                                                                        |
| 5               | 2021-2022 |                           |     | 01                                 | 20                                      | 376,5                              | 60  | 376,5/931,50/189,0                                                                        |
| 6               | 2022-2023 |                           |     | 01                                 | 14                                      | 240,0                              | 30  | 240,0/575,45/196,0                                                                        |

3. Ngoại ngữ:

3.1. Tên ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: Tiếng Anh

a) Được đào tạo ở nước ngoài: ☒

- Học ĐH ☐; Tại nước: .....; Từ năm ..... đến năm .....

- Bảo vệ luận văn ThS ☐ hoặc luận án TS ☒ hoặc TSKH ☐; tại nước: Trung Quốc, năm 2017

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước: ☐

- Trường ĐH cấp bằng tốt nghiệp ĐH ngoại ngữ: ..... số bằng: .....; năm cấp:.....

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài: ☒

- Giảng dạy bằng ngoại ngữ: Tiếng Anh

- Nơi giảng dạy (cơ sở đào tạo, nước): Chương trình tiên tiến, Ngành kỹ thuật xây dựng, hệ đại học, Trường Đại học Thủy lợi

d) Đối tượng khác ☐; Diễn giải: .....

3.2. Tiếng Anh (văn bằng, chứng chỉ):

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

4. Hướng dẫn NCS, HVCH/CK2/BSNT đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng

| TT | Họ tên NCS hoặc HVCH/CK2/BSNT | Đối tượng |               | Trách nhiệm hướng dẫn |     | Thời gian hướng dẫn từ ... đến ... | Cơ sở đào tạo                     | Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng |
|----|-------------------------------|-----------|---------------|-----------------------|-----|------------------------------------|-----------------------------------|-------------------------------------------------------|
|    |                               | NCS       | HVCH/CK2/BSNT | Chính                 | Phụ |                                    |                                   |                                                       |
| 1  | Trần Thanh Hải                |           | ✓             | ✓                     |     | 30/11/2018-15/7/2019               | Trường Đại học Thủy lợi           | 24/10/2019                                            |
| 2  | Nguyễn Viết Anh               |           | ✓             | ✓                     |     | 07/3/2019-14/10/2019               | Trường Đại học Thủy lợi           | 14/05/2020                                            |
| 3  | Nguyễn Viết Lượng             |           | ✓             | ✓                     |     | 03/5/2019-06/01/2020               | Trường Đại học Thủy lợi           | 14/05/2020                                            |
| 4  | Phùng Đức Hoàng               |           | ✓             | ✓                     |     | 08/12/2020-19/07/2021              | Trường Đại học Thủy lợi           | 25/04/2022                                            |
| 5  | Phan Văn Hải                  |           | ✓             | ✓                     |     | 03/8/2021-19/04/2022               | Trường Đại học Thủy lợi           | 09/03/2022                                            |
| 6  | Thịnh Văn Thanh               |           | ✓             | ✓                     |     | 05/4/2022-20/11/2022               | Phân hiệu Trường Đại học Thủy lợi | 22/03/2023                                            |

**Ghi chú:** Ứng viên chức danh GS chỉ kê khai thông tin về hướng dẫn NCS.

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo từ trình độ đại học trở lên:

| TT  | Tên sách                                                        | Loại sách (CK, GT, TK, HD) | Nhà xuất bản và năm xuất bản            | Số tác giả | Chủ biên      | Phản biên soạn (từ trang ... đến trang) | Xác nhận của cơ sở GDDH (số văn bản xác nhận sử dụng sách) |
|-----|-----------------------------------------------------------------|----------------------------|-----------------------------------------|------------|---------------|-----------------------------------------|------------------------------------------------------------|
| I   | Trước khi được công nhận TS                                     |                            |                                         |            |               |                                         |                                                            |
| ... |                                                                 |                            |                                         |            |               |                                         |                                                            |
| II  | Sau khi được công nhận TS                                       |                            |                                         |            |               |                                         |                                                            |
| 1   | Bảo trì công trình xây dựng                                     | TK                         | Nhà xuất bản Xây dựng, 2020             | 2          | Đồng chủ biên | 46-174                                  | Giấy xác nhận số: 594/GXN-ĐHTL ngày 26/7/2022              |
| 2   | Sửa chữa gia cường kết cấu công trình                           | TK                         | Nhà xuất bản Khoa học và Kỹ thuật, 2020 | 2          | Đồng chủ biên | 50-123                                  | Giấy xác nhận số: 457/GXN-ĐHTL ngày 08/6/2023              |
| 3   | Hướng dẫn thiết kế khung thép Nhà công nghiệp một tầng một nhịp | HD                         | Nhà xuất bản Xây dựng, 2022             | 3          | Đồng chủ biên | 1-15; 57-118                            | Giấy xác nhận số: 458/GXN-ĐHTL ngày 04/5/2023              |

Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) sách chuyên khảo do nhà xuất bản có uy tín xuất bản và chương sách do nhà xuất bản có uy tín trên thế giới xuất bản, mà ứng viên là chủ biên sau PGS/TS: [ ],.....

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

**Lưu ý:**

- Chỉ kê khai các sách được phép xuất bản (Giấy phép XB/Quyết định xuất bản/số xuất bản), nộp lưu chiểu, ISBN (nếu có)).
- Các chữ viết tắt: CK: sách chuyên khảo; GT: sách giáo trình; TK: sách tham khảo; HD: sách hướng dẫn; phần ứng viên biên soạn cần ghi rõ từ trang ... đến trang ... (ví dụ: 17-56; 145-329).

6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu:

| TT  | Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)                                                                                                                                                                      | CN/PCN/TK  | Mã số và cấp quản lý | Thời gian thực hiện | Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm)/Xếp loại KQ |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|----------------------|---------------------|-----------------------------------------------------|
| I   | Trước khi được công nhận TS                                                                                                                                                                                         |            |                      |                     |                                                     |
| ... |                                                                                                                                                                                                                     |            |                      |                     |                                                     |
| II  | Sau khi được công nhận TS                                                                                                                                                                                           |            |                      |                     |                                                     |
| 1   | Nghiên cứu đánh giá chất lượng cọc khoan nhồi từ kết quả thí nghiệm, các biện pháp khắc phục sửa chữa                                                                                                               | CN         | Cấp cơ sở            | 01/2019-12/2019     | 13/01/2020<br>/ Xếp loại Khá                        |
| 2   | Tính toán độ võng bản sàn bê tông cốt thép toàn khối                                                                                                                                                                | CN         | Cấp cơ sở            | 01/2020-12/2020     | 18/12/2020<br>/ Xếp loại khá                        |
| 3   | Nghiên cứu hướng dẫn thiết kế kết cấu sàn bê tông ứng suất trước căng sau                                                                                                                                           | Thành viên | Cấp Bộ               | 04/2017-12/2018     | 16/03/2020<br>/ Xếp loại Khá                        |
| 4   | Nghiên cứu hiệu quả cách chấn và đề xuất giải pháp ứng dụng gói cách chấn đàn hồi cốt sợi FREI (fiber reinforced elastomeric isolator) áp dụng cho công trình dân dụng thấp tầng chịu tải trọng động đất ở Việt Nam | Thành viên | Cấp Bộ               | 07/2018 – 12/2019   | 23/09/2020<br>/ Xếp loại Khá                        |

- Các chữ viết tắt: CT: Chương trình; ĐT: Đề tài; CN: Chủ nhiệm; PCN: Phó chủ nhiệm; TK: Thư ký.

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, báo cáo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế):

7.1.a. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố:

| T<br>T                                                                                                                                                                                    | Tên bài báo/báo cáo KH                                                                                          | Số tác giả | Là tác giả chính | Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN                                                                                                                                                        | Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi) | Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn) | Tập, số, trang                   | Tháng, năm công bố |
|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------|--------------------------------------------|----------------------------------|--------------------|
| I                                                                                                                                                                                         | Trước khi được công nhận TS                                                                                     |            |                  |                                                                                                                                                                                                        |                                                   |                                            |                                  |                    |
| Các bài báo khoa học [1], [3], [4] trong đó tên của tác giả phiên âm tiếng Trung (thời gian ứng viên học nghiên cứu sinh tại Trung Quốc) có kèm theo minh chứng báo cáo tra cứu thông tin |                                                                                                                 |            |                  |                                                                                                                                                                                                        |                                                   |                                            |                                  |                    |
| Hướng nghiên cứu 1                                                                                                                                                                        |                                                                                                                 |            |                  |                                                                                                                                                                                                        |                                                   |                                            |                                  |                    |
| 1                                                                                                                                                                                         | Plane strain tests on creep characteristics of over-consolidated clay                                           | 5          | Đồng tác giả     | Chinese Journal of Geotechnical Engineering<br>DOI: <a href="https://doi.org/10.11779/CJGE201406006">https://doi.org/10.11779/CJGE201406006</a>                                                        |                                                   |                                            | Vol. 36, Issue 6, pp. 1028-1035  | Jun, 2014          |
| 2                                                                                                                                                                                         | Settlement Prediction of Surcharge Preloaded Low Embankment on Soft Ground Subjected to Cyclic Loading          | 3          | Đồng tác giả     | Marine Georesources & Geotechnology<br>Taylor and Francis/<br>ISSN: 1064-119X /1521-0618/ DOI: <a href="https://doi.org/10.1080/1064119X.2014.985860">https://doi.org/10.1080/1064119X.2014.985860</a> |                                                   |                                            | Vol. 34, Issue 2, pp. 154-161    | Jul, 2015          |
| 3                                                                                                                                                                                         | The Effect of Principal Stress Ratio on Creep Behaviour of Over-Consolidated Clay under Plane Strain Conditions | 5          | Đồng tác giả     | Chinese Journal of Rock Mechanics and Engineering<br>DOI : <a href="https://doi.org/10.13722/j.cnki.jrme.2014.1579">https://doi.org/10.13722/j.cnki.jrme.2014.1579</a>                                 |                                                   |                                            | Vol. 34, Issue 12, pp. 2550-2558 | Dec, 2015          |
| Hướng nghiên cứu 2                                                                                                                                                                        |                                                                                                                 |            |                  |                                                                                                                                                                                                        |                                                   |                                            |                                  |                    |
| 4                                                                                                                                                                                         | Creep model of over-consolidated soft clay under plane strain                                                   | 5          | Đồng tác giả     | Chinese Journal of Rock Mechanics and Engineering/ DOI : <a href="https://doi.org/10.13722/j.cnki.jrme.2015.1395">https://doi.org/10.13722/j.cnki.jrme.2015.1395</a>                                   |                                                   |                                            | Vol. 35, Issue 11, pp. 2307-2315 | Nov, 2016          |
| II                                                                                                                                                                                        | Sau khi được công nhận TS                                                                                       |            |                  |                                                                                                                                                                                                        |                                                   |                                            |                                  |                    |
| Hướng nghiên cứu 1                                                                                                                                                                        |                                                                                                                 |            |                  |                                                                                                                                                                                                        |                                                   |                                            |                                  |                    |
| 5                                                                                                                                                                                         | Đề xuất một số giải pháp thi công cọc khoan nhồi trên nền hang động Castor                                      | 1          | Tác giả chính    | Tuyển tập Hội nghị khoa học thường niên – Trường Đại học Thủy lợi/ ISBN-978-604-82-2548-3                                                                                                              |                                                   |                                            | Số 2018, trang 83-85             | Tháng 11, 2018     |

|    |                                                                                               |   |               |                                                                                                                                                                        |                       |  |                              |                |
|----|-----------------------------------------------------------------------------------------------|---|---------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------|--|------------------------------|----------------|
| 6  | Phương pháp thực nghiệm đánh giá sức chịu tải cọc hạn cọc khoan nhồi                          | 2 | Tác giả chính | Tuyển tập Hội nghị khoa học thường niên – Trường Đại học Thủy lợi/ ISBN-978-604-82-7001-8                                                                              |                       |  | Số 2022, trang 167-169       | Tháng 11, 2022 |
| 7  | Phương pháp đánh giá sức chịu tải cọc ép từ kết quả nén tĩnh tại hiện trường                  | 1 | Tác giả chính | Tạp chí Địa kỹ thuật/ ISSN-0868-179X                                                                                                                                   |                       |  | Số 1-2023, trang 27-36       | Tháng 1, 2023  |
| 8  | Đánh giá sức chịu tải cọc khoan nhồi từ kết quả nén tĩnh tại hiện trường                      | 1 | Tác giả chính | Tạp chí Khoa học kỹ thuật Thủy lợi và Môi trường/ ISSN-1859-3941                                                                                                       |                       |  | Số 83, trang 70-75           | Tháng 3, 2023  |
| 9  | Hiệu ứng nhóm trong kết cấu móng cọc đài thấp chịu tải trọng tĩnh                             | 1 | Tác giả chính | Tạp chí Người xây dựng/ ISSN-0866-8531                                                                                                                                 |                       |  | Số 373, trang 15-18          | Tháng 5, 2023  |
| 10 | Experimental investigation of creep behaviour of saturated soft clay subjected static loading | 1 | Tác giả chính | International Journal of GEOMATE/ ISSN: 2186-2982 (P), 2186-2990 (O)/ DOI: <a href="https://doi.org/10.21660/2023.108.3894">https://doi.org/10.21660/2023.108.3894</a> | ISI-ESCI, Scopus (Q3) |  | Vol. 25, Issue 108, pp.81-88 | 06, June, 2023 |
| 11 | Creep behaviour of saturated clay subjected to cyclic loading in plain strain condition       | 1 | Tác giả chính | Journal of Science and Technology in Civil Engineering, HUCE, 2023, 17 (2)/ ISSN 1859-2996                                                                             | ACI Indexed Journal   |  | Vol. 17, Issue 2, pp.1-12    | June, 2023     |
| 12 | Phân tích ảnh hưởng của số lượng và khoảng cách cọc đến hiệu ứng nhóm trong móng cọc đài thấp | 2 | Tác giả chính | Tạp chí Xây dựng/ ISSN-2734-9888                                                                                                                                       |                       |  | Số 6, trang 106-109          | Tháng 6, 2023  |

## Hướng nghiên cứu 2

|    |                                                       |   |               |                                                                                           |  |  |                      |                |
|----|-------------------------------------------------------|---|---------------|-------------------------------------------------------------------------------------------|--|--|----------------------|----------------|
| 13 | Khái niệm đường cong “P-y” trong mô hình bài toán cọc | 1 | Tác giả chính | Tuyển tập Hội nghị khoa học thường niên – Trường Đại học Thủy lợi/ ISBN-978-604-82-2548-3 |  |  | Số 2018, trang 86-88 | Tháng 11, 2018 |
| 14 | Mô hình tương tác cọc- đất phi tuyến                  | 1 | Tác giả chính | Tạp chí Xây dựng/ ISSN-0866-8762                                                          |  |  | Số 2, trang 75-78    | Tháng 2, 2019  |



|                           |                                                                                                                                                 |   |               |                                                                                                                                                                        |                       |  |                                |                |
|---------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---|---------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------|--|--------------------------------|----------------|
| 15                        | Khảo sát độ võng sàn bê tông cốt thép toàn khối có xét đến độ cứng của dầm biên                                                                 | 1 | Tác giả chính | Tạp chí Xây dựng/ ISSN-2734-9888                                                                                                                                       |                       |  | Số 7, trang 80-84              | Tháng 7, 2021  |
| 16                        | Giải pháp tường cừ Larsen trong thi công tầng hầm nhà nhiều tầng bằng phương pháp đào mở                                                        | 1 | Tác giả chính | Tuyển tập Hội nghị khoa học thường niên – Trường Đại học Thủy lợi/ ISBN-978-604-82-5957-0                                                                              |                       |  | Số 2021, trang 208-210         | Tháng 11, 2021 |
| 17                        | Nghiên cứu mô hình phi tuyến tương tác cọc – đất trong bài toán cọc chịu tải trọng ngang                                                        | 2 | Tác giả chính | Tạp chí Vật liệu và Xây dựng/ ISBN-1859-381X/ DOI: <a href="https://doi.org/10.54772/jomc.06.2022.465">https://doi.org/10.54772/jomc.06.2022.465</a>                   |                       |  | Số 6, Tập 12, trang 62-65      | Tháng 12, 2022 |
| 18                        | Tường cừ Larsen hai lớp cho hố đào sâu                                                                                                          | 1 | Tác giả chính | Tạp chí Xây dựng/ ISSN-2734-9888                                                                                                                                       |                       |  | Số 3, trang 168-171            | Tháng 3, 2023  |
| 19                        | Effects of dynamic traffic load frequency on consolidation behavior of soft clay under low embankment: experimental and numerical investigation | 1 | Tác giả chính | International Journal of GEOMATE/ ISSN: 2186-2982 (P), 2186-2990 (O)/ DOI: <a href="https://doi.org/10.21660/2023.107.3851">https://doi.org/10.21660/2023.107.3851</a> | ISI-ESCI, Scopus (Q3) |  | Vol. 25, Issue 107, pp.166-172 | 02, May, 2023  |
| 20                        | Simulation of Pile-Soil interaction using finite element theory in the case of laterally loaded pile                                            | 1 | Tác giả chính | Tạp chí Xây dựng/ ISSN-2734-9888                                                                                                                                       |                       |  | Số 4, trang 102-105            | Tháng 4, 2023  |
| 21                        | Phân tích lựa chọn chiều dày tường vây bê tông cốt thép cho hố đào sâu nhà cao tầng bằng phương pháp phần tử hữu hạn                            | 1 | Tác giả chính | Tạp chí Xây dựng/ ISSN-2734-9888                                                                                                                                       |                       |  | Số 5, trang 65-69              | Tháng 5, 2023  |
| <b>Hướng nghiên cứu 3</b> |                                                                                                                                                 |   |               |                                                                                                                                                                        |                       |  |                                |                |
| 22                        | Tuổi thọ công trình và công tác bảo trì công trình xây dựng tại Việt                                                                            | 3 | Đồng tác giả  | Tuyển tập Hội nghị khoa học thường niên – Trường Đại học Thủy lợi/ ISBN-978-604-82-                                                                                    |                       |  | Số 2017, trang 55-57           | Tháng 11, 2017 |

|    |                                                                                                |   |               |                                                                                                                                                                                                                                                     |                       |  |                             |                |
|----|------------------------------------------------------------------------------------------------|---|---------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------|--|-----------------------------|----------------|
|    | Nam                                                                                            |   |               | 2274-1                                                                                                                                                                                                                                              |                       |  |                             |                |
| 23 | Effect of Open-Ended PHC Pile Installation during Embankment Widening on the Surrounding Soil  | 6 | Đồng tác giả  | Journal of Geotechnical and Geoenvironmental Engineering/ ISSN (print): 1090-0241   ISSN (online): 1943-5606/ ASCE Library DOI: <a href="https://doi.org/10.1061/(ASCE)GT.1943-5606.0002016">https://doi.org/10.1061/(ASCE)GT.1943-5606.0002016</a> | ISI-ESCI, Scopus (Q1) |  | Vol. 145, Issue 2, pp. 1-13 | Feb, 2019      |
| 24 | Building Management under Limate Change Condition for Mekong Delta in Vietnam                  | 2 | Đồng tác giả  | International Journal Of Modern Engineering Research (IJMER)/ ISSN: 2249-6645/ <a href="http://www.ijmer.com">www.ijmer.com</a>                                                                                                                     |                       |  | Vol. 9, Issue 3, pp. 49-53  | Mar, 2019      |
| 25 | Sự cố và biện pháp thi công cọc khoan nhồi trên nền đá                                         | 1 | Tác giả chính | Tạp chí Xây dựng/ ISSN-0866-8762                                                                                                                                                                                                                    |                       |  | Số 9, trang 55-58           | Tháng 9, 2019  |
| 26 | Đánh giá khuyết tật cọc khoan nhồi theo vận tốc siêu âm                                        | 1 | Tác giả chính | Tuyển tập Hội nghị khoa học thường niên – Trường Đại học Thủy lợi/ ISBN-978-604-82-2981-8                                                                                                                                                           |                       |  | Số 2019, trang 63-65        | Tháng 11, 2019 |
| 27 | Kiểm soát độ võng ngắn hạn sản sườn bê tông cốt thép toàn khối                                 | 1 | Tác giả chính | Tuyển tập Hội nghị khoa học thường niên – Trường Đại học Thủy lợi/ ISBN-978-604-82-3869-8                                                                                                                                                           |                       |  | Số 2020, trang 156-158      | Tháng 11, 2020 |
| 28 | Controlling the settlement of the low embankment on soft ground by surcharge preloading method | 1 | Tác giả chính | International Journal of GEOMATE/ ISSN: 2186-2982 (P), 2186-2990 (O)/ DOI: <a href="https://doi.org/10.21660/2023.108.3862">https://doi.org/10.21660/2023.108.3862</a>                                                                              | ISI-ESCI, Scopus (Q3) |  | Vol. 25, Issue 108, pp.1-10 | 06, June, 2023 |
| 29 | Ứng dụng bê tông cốt sợi thép tính năng siêu cao trong kết cấu công trình                      | 2 | Đồng tác giả  | Tạp chí Vật liệu và Xây dựng/ ISBN-1859-381X                                                                                                                                                                                                        |                       |  | Số 4, Tập 13, trang 70-74   | Tháng 6, 2023  |

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học quốc tế có uy tín mà UV là tác giả chính sau TS: 03 bài tác giả chính và một mình thuộc danh mục ISI-ESCI, SCOPUS (Q3) [10], [19], [28].

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

7.1.b. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố (Dành cho các chuyên ngành thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự được quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg)

| TT  | Tên bài báo/báo cáo KH          | Số tác giả | Là tác giả chính | Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN | Thuộc danh mục tạp chí uy tín của ngành | Tập, số, trang | Tháng, năm công bố |
|-----|---------------------------------|------------|------------------|-------------------------------------------------|-----------------------------------------|----------------|--------------------|
| I   | Trước khi được công nhận PGS/TS |            |                  |                                                 |                                         |                |                    |
| ... |                                 |            |                  |                                                 |                                         |                |                    |
| II  | Sau khi được công nhận PGS/TS   |            |                  |                                                 |                                         |                |                    |
| ... |                                 |            |                  |                                                 |                                         |                |                    |

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học uy tín của ngành mà UV là tác giả chính sau PGS/TS: .....

## 7.2. Bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích

| TT  | Tên bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích | Tên cơ quan cấp | Ngày tháng năm cấp | Tác giả chính/đồng tác giả | Số tác giả |
|-----|------------------------------------------------|-----------------|--------------------|----------------------------|------------|
| ... |                                                |                 |                    |                            |            |

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích được cấp, là tác giả chính sau PGS/TS: .....

## 7.3. Tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế (đối với ngành Văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao)

| TT  | Tên tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu TDTT | Cơ quan/tổ chức công nhận | Văn bản công nhận (số, ngày, tháng, năm) | Giải thưởng cấp Quốc gia/Quốc tế | Số tác giả |
|-----|--------------------------------------------------------------|---------------------------|------------------------------------------|----------------------------------|------------|
| ... |                                                              |                           |                                          |                                  |            |

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu đạt giải thưởng quốc tế, là tác giả chính/hướng dẫn chính sau PGS/TS: .....

## 8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình/dự án/đề tài nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học đã được đưa vào áp dụng thực tế:

| TT | Chương trình đào tạo, chương trình nghiên cứu ứng dụng KHCN                      | Vai trò UV (Chủ trì/ Tham gia) | Văn bản giao nhiệm vụ (số, ngày, tháng, năm) | Cơ quan thẩm định, đưa vào sử dụng | Văn bản đưa vào áp dụng thực tế            | Ghi chú |
|----|----------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------|----------------------------------------------|------------------------------------|--------------------------------------------|---------|
| 1  | Rà soát điều chỉnh chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Kỹ thuật xây dựng | Tham gia                       |                                              | Trường Đại học Thủy lợi            | Quyết định số 1935/QĐ-ĐHTL ngày 03/10/2022 |         |

## 9. Các tiêu chuẩn không đủ so với quy định, đề xuất công trình khoa học thay thế\*:

### a) Thời gian được bổ nhiệm PGS

Được bổ nhiệm PGS chưa đủ 3 năm, còn thiếu (số lượng năm, tháng): .....

b) Hoạt động đào tạo

- Thâm niên đào tạo chưa đủ 6 năm (UV PGS), còn thiếu (số lượng năm, tháng): .....
  - Giờ giảng dạy
    - + Giờ chuẩn giảng dạy trực tiếp trên lớp không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu): .....
    - + Giờ chuẩn giảng dạy quy đổi không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu): .....
  - Hướng dẫn chính NCS/HVCH,CK2/BSNT:
    - + Đã hướng dẫn chính 01 NCS đã có Quyết định cấp bằng TS (UV chức danh GS) ☐
- Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 NCS được cấp bằng TS bị thiếu: .....
- .....
- + Đã hướng dẫn chính 01 HVCH/CK2/BSNT đã có Quyết định cấp bằng ThS/CK2/BSNT (UV chức danh PGS) ☐
- Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 HVCH/CK2/BSNT được cấp bằng ThS/CK2/BSNT bị thiếu: .....

c) Nghiên cứu khoa học

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ (UV chức danh GS) ☐
- Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ bị thiếu: .....
- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở (UV chức danh PGS) ☐
- Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở bị thiếu: .....
- Không đủ số CTKH là tác giả chính sau khi được bổ nhiệm PGS hoặc được cấp bằng TS:
    - + Đối với ứng viên chức danh GS, đã công bố được: 03 CTKH ☐; 04 CTKH ☐
- Đề xuất sách CKUT/chương sách của NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 05 CTKH là tác giả chính theo quy định: .....
- + Đối với ứng viên chức danh PGS, đã công bố được: 02 CTKH ☐
- Đề xuất sách CKUT/chương sách NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 03 CTKH là tác giả chính theo quy định: .....

*Chú ý: Đối với các chuyên ngành bí mật nhà nước thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự, các tiêu chuẩn không đủ về hướng dẫn, đề tài khoa học và công trình khoa học sẽ được bù bằng điểm từ các bài báo khoa học theo quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg.*

d) Biên soạn sách phục vụ đào tạo (đối với ứng viên GS)

- Không đủ điểm biên soạn sách phục vụ đào tạo: .....
- Không đủ điểm biên soạn giáo trình và sách chuyên khảo: .....

**C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH:**

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Hà Nội, ngày 19 tháng 6 năm 2023

**NGƯỜI ĐĂNG KÝ**

  
Nguyễn Ngọc Thắng.